

CẤU TRÚC CÚ PHÁP CÂU TIẾNG VIỆT NHÌN TỪ BÀI VIẾT CỦA SINH VIÊN HÀN QUỐC

THE SYNTACTIC STRUCTURE OF VIETNAMESE VIEWING FROM THE WRITTEN TEXTS OF KOREAN STUDENTS

*Nguyễn Thị Ngọc Hân**

1. Đặt vấn đề

“Cấu trúc Đề - Thuyết là một thuộc tính của câu với tính cách là sự thể hiện của một hành động nhận định (hay hành động mệnh đề - propositional act) chứ không phải là của phát ngôn với tính cách là một hành động giao tiếp giữa những người nói cụ thể, trong một tình huống cụ thể. Cấu trúc Đề - Thuyết, được đánh dấu hoặc có thể được đánh dấu bằng *thì* và *là*, trong tình huống phát ngôn nào cũng vẫn y nguyên” (Cao Xuân Hạo, 1999, tr.426). Thể hiện hành động nhận định về một sự tình nào đó bằng cấu trúc Đề - Thuyết có thể là đơn giản với người nói thứ tiếng này nhưng lại khá phức tạp với người nói thứ tiếng khác, đặc biệt với những sinh viên Hàn Quốc học tiếng Việt. Trên đại thể, mặc dù có sự gắn gũi nào đó giữa ngôn ngữ Đề - Thuyết với ngôn ngữ thuộc loại hình thiên chủ đề, như tiếng Hàn chẳng hạn, người sử dụng ngôn ngữ như vừa nêu vẫn có thể gặp một số trở ngại khi trình bày, sắp xếp trật tự cú pháp của câu tiếng Việt. Vấn đề là làm thế nào để dạng thức được đưa ra có sự tương hợp về nghĩa, về logic ngôn từ giữa các thành phần câu, cụ thể là giữa Đề và Thuyết, và ngay cả trong nội bộ của từng thành phần. Qua đó, có khả năng tránh được những thiếu sót dẫn đến sự lộn xộn hoặc làm lỏng lẻo cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa và cấu trúc dụng pháp của câu/mệnh đề. Nhìn từ bài viết của sinh viên Hàn Quốc học tiếng Việt có thể bắt gặp những câu đại loại như:

- (1) *Đàn ông em muốn kết hôn là người nước ngoài.*
- (2) *Em cảm thấy Tết năm nay là Ø vui nhất của em.*
- (3) *Em nghĩ Ø có thể làm mọi việc.*
- (4) *Phần lớn đàn ông ở Hàn Quốc không có đủ tài sản đến trước 30 tuổi.*
- (5) *Trong một tuần em đã thích ứng trở lại với thời tiết ở Hàn Quốc và sinh hoạt.*
- (6) *Em cảm thấy rất vui và tốt vì phim này rất hay.*
- (7) *Công nghiệp hóa giúp cho đất nước phát triển và tránh được sự lạc hậu nên tạo ra nhiều chỗ làm việc và thoát được nạn thất nghiệp.*

Với những câu như vừa nêu, vấn đề với cấu trúc cú pháp câu tiếng Việt tập trung ở những từ/ngữ đoạn in đậm hoặc chỗ khuyết ở phần Đề, phần Thuyết. Lần lượt đi sâu vào khảo sát từng đơn vị, có lẽ chúng ta sẽ thấy được những bất cập riêng biệt của từng loại.

* Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM.

2. Vấn đề trong phạm vi của phần Đề

Đặt ra vấn đề mô tả câu như là một cấu trúc được hình thành bởi các từ cũng giống như việc mô tả một ngôi nhà được tạo nên từ những viên gạch mà không nhận ra các bức tường và các căn phòng cũng là những đơn vị cấu trúc trung gian, Halliday không hẳn đã phủ nhận vai trò của từ trong việc góp phần kiến tạo câu. Tuy vậy, theo Halliday, khảo sát câu không thể bỏ qua những đơn vị trung gian được ông gọi là ngữ đoạn (phrase/group of words) hoặc mệnh đề (clause). Nếu ngữ đoạn được xem như một tập hợp bao gồm từ trung tâm và phụ ngữ của nó thì, theo Halliday, câu có thể được giải thích như một mệnh đề phức hợp (clause complex), bao gồm mệnh đề trung tâm cùng với một/những mệnh đề khác có vai trò bổ nghĩa cho trung tâm (Halliday, M.A.K., 1985, tr.159). Như vậy, cấu trúc ngữ đoạn hoặc cấu trúc mệnh đề được hiểu là sự mở rộng đơn vị trung tâm bằng cách thêm vào những bổ tố thích hợp để tạo thành đơn vị lớn hơn, theo những quy tắc ngữ pháp nhất định. Một khi quy tắc ngữ pháp bị vi phạm, câu không được xem là đơn vị hoàn chỉnh về ngữ nghĩa, ngữ dụng lẫn ngữ pháp. Khảo sát những ngữ đoạn được in đậm hoặc có chỗ khuyết trong các câu (1-4) có lẽ sẽ tìm ra lý do vì sao những khiếm khuyết trong phần Đề gây ra sự thiếu hoàn chỉnh cho câu.

Khi đề cập đến một chủ đề nào đó, người nói hoặc người viết ắt hẳn có một chủ ý nhất định. Và phần Đề được đặt ở vị trí đầu câu là nhằm thực thi nhiệm vụ hướng sự lưu ý của người nghe vào một “tiêu điểm xác định” như bàn về chuyện gì, về đề tài nào, trong phạm vi nào (Cao Xuân Hạo 1999). Chẳng hạn bàn về đối tượng lập gia đình trong tương lai, người nói/người viết hoàn toàn có thể đưa ra một câu như:

(8) *Người em muốn kết hôn là người nước ngoài.*

Với người Việt, cảm nhận tính đúng/sai trong câu vừa nêu không có gì phải bàn cãi nhưng trong trường hợp của câu (1) bên trên, cảm giác về một cái gì đó không bình thường lại đến từ ngữ đoạn danh từ đang đảm nhận vai Đề trong câu (*đàn ông em muốn kết hôn*). Liên quan đến vấn đề đang bàn có thể kể đến tính đếm được hoặc không đếm được của danh từ. Hay nói cách khác, khi danh từ đếm được [\pm] đảm nhiệm vai trò làm trung tâm danh ngữ, yêu cầu về sự tương hợp với định ngữ đi kèm sẽ không hoàn toàn như nhau cho mọi trường hợp. Nói về danh từ đếm được (*người*) trong câu (8), định ngữ đi kèm với nó được xem là phần giải thích thêm về dự định của người nói/người viết (*muốn kết hôn*) đối với nhân vật được nhắc đến. Do đó việc có sự tương hợp hay không giữa danh từ trung tâm và định ngữ không cần phải đặt ra. Tuy nhiên, với câu đang có vấn đề (câu 1), giữa trung tâm là danh từ không đếm được (*đàn ông*) với định ngữ đứng liền sau (*em muốn kết hôn*) không thể nói là đã có sự tương hợp. Điều này thể hiện ở chỗ, lẽ ra phải có sự hiện diện của danh từ chỉ loại/ danh từ đếm được (*người*) ngay trước danh từ trung tâm (*đàn ông*) nhằm đánh dấu sự xác định nhân vật được nói đến (*người đàn ông em muốn kết hôn*), nhưng thay vào đó lại là một chỗ khuyết. Để cứu vãn tình thế, bằng ý nghĩa đã được ngữ pháp hóa, trung tâm danh ngữ có định ngữ là một tiểu cú nên thay bằng một danh ngữ có danh từ chỉ loại làm trung tâm (*người đàn ông*) chứ không phải là một danh từ không đếm được (*đàn ông*).

Đến đây có thể xem thêm mấy tiêu chí để xác định thế nào là một câu đúng (fully well-formed). Theo Moravcsik, “đối với một câu đúng ngữ pháp, tất cả các loại thành tố – âm, hình vị, từ và những yếu tố nghĩa – phải được lựa chọn và sắp xếp đúng” (Edith Moravcsik, 2006, tr.2). Về sự lựa chọn các phạm trù cú pháp, theo tác giả, mạo từ (articles) và danh từ có thể được lựa chọn để tạo thành danh ngữ; động từ và phó từ có thể được lựa chọn để tạo thành động ngữ; danh ngữ và động ngữ có thể được lựa chọn để tạo thành câu, trong đó danh ngữ đảm nhiệm vai trò là chủ ngữ. Về trật tự của các phạm trù cú pháp, mạo từ và danh từ được lựa chọn để tạo thành danh ngữ, trong đó mạo từ ắt hẳn phải đứng trước danh từ; động từ và phó từ được lựa chọn để tạo thành động ngữ, trong đó động từ ắt hẳn phải đứng trước phó từ; danh ngữ và động ngữ có thể được lựa chọn để tạo thành câu, trong đó danh ngữ ắt hẳn phải chiếm vị trí trước động ngữ. Những tiêu chí như vừa nêu mặc dù được áp dụng cho câu tiếng Anh, nhưng với cấu trúc câu tiếng Việt không hẳn là không thể vận dụng được. Trường hợp câu vừa phân tích bên trên (câu 1) có thể xem là một ví dụ về việc vi phạm tiêu chí lựa chọn thành tố thích hợp để tạo thành ngữ đoạn. Chỗ khuyết trong nội bộ của danh ngữ đảm nhiệm vai Đề (*Ø đàn ông em muốn kết hôn*) nên được xem là nguyên nhân ảnh hưởng đến tính đúng ngữ pháp của câu. Để làm rõ hơn một trong hai (hoặc cả hai) tiêu chí để xác định câu đúng, chúng ta sẽ tiếp tục khảo sát câu (2) và câu (3).

/Câu (2) và câu (3) viết lại/

Em cảm thấy Tết năm nay là Ø vui nhất của em.

Em nghĩ Ø có thể làm mọi việc.

Thoạt nhìn câu (2), ta cũng thấy có vài điểm tương đồng với câu (1). Vẫn chỗ khuyết rơi vào vị trí của danh từ/danh ngữ. Vẫn thao tác phải phục nguyên đơn vị cần hiện diện nhằm trao trả lại chức trách làm trung tâm danh ngữ. Tuy nhiên khi khảo sát nguyên nhân dẫn đến sai sót, hai câu đang xét vẫn có chỗ khác. Chỗ khuyết trong câu (1) có thể nói là do thao tác tính lược không cần thiết của người viết hoặc đó là do sơ suất trong nhận thức về tính tương hợp giữa những thành tố trong ngữ đoạn. Trong khi đó với câu (2), tiêu chí trật tự từ đã được thỏa nhưng khi dựa vào tiêu chí lựa chọn thành tố tương hợp, cũng cần xem xét đến quan hệ cú pháp giữa những thành tố trong ngữ đoạn hoặc giữa các ngữ đoạn, trước khi viện đến biện pháp tính lược. Vấn đề thể hiện ra ở chỗ, khi bị bỏ qua trong phần Thuyết, yếu tố hồi chỉ zero được người viết cho là có thể dễ dàng quy về tiền văn (*Tết năm nay*). Tuy nhiên cần lưu ý rằng, chỉ chủ đề của câu mới là thành tố duy nhất có quyền kiểm định đồng sở chỉ. Nói cụ thể hơn, tiền văn của yếu tố hồi chỉ zero trong trường hợp này không thể và không thể nào là chủ đề của câu (*em cảm thấy Tết năm nay*); thay vào đó, nó được nhận diện là ngữ đoạn phụ thuộc (*Tết năm nay*) của phần Thuyết nhỏ trong tiểu cú đang đảm nhiệm vai Đề. Xét cho cùng, phần Đề có quyền chi phối yếu tố hồi chỉ, thậm chí là tính lược yếu tố đồng sở chỉ, nhưng không có nghĩa là thành phần này hoàn toàn có thể đại diện cho tất cả các trường hợp vắng mặt của đồng sở chỉ, ngay cả khi tiền văn của yếu tố zero chỉ là một ngữ ở bậc thấp hơn trong ngữ đoạn đóng vai Đề của câu. Tương tự với nhầm lẫn đang khảo sát, có thể thấy thêm trường hợp Đề được cho là tiền văn của yếu tố zero trong tiểu cấu trúc Đề - Thuyết khiếm khuyết ở câu (3).

Phân biệt Khung đề và Chủ đề, Cao Xuân Hạo viết: “Khung đề, là phần câu nêu rõ những điều kiện làm thành cái khung về cảnh huống, thời gian, không gian, trong đó điều được nói đến trong phần Thuyết có hiệu lực” còn “Chủ đề, là phần câu chỉ cái đối tượng được nói đến trong phần Thuyết, cái chủ thể của sự nhận định” (Cao Xuân Hạo, 2007, tr.160). Như vậy có thể hiểu là, phải có những điều kiện nhất định, một sự tình nào đó được diễn đạt qua lăng kính của người nói hoặc người viết mới bắt đầu có hiệu lực, mới trở thành nội dung/phạm vi xác định của thành phần đứng làm Chủ đề. Và cho dù trong tiếng Việt cũng như các thứ tiếng khác như tiếng Hàn chẳng hạn, Đề (bao gồm Chủ đề và Khung đề) không phải lúc nào cũng bắt buộc hiện diện trên cấu trúc bề mặt, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc hễ có Đề hoặc cấu trúc Đề - Thuyết (có Đề là chính người thực hiện hành động nói năng, cảm nghĩ) thì việc tỉnh lược tiểu Đề trong bỏ ngữ thuộc phần Thuyết là có thể. Hệ lụy tất sẽ xảy ra như trường hợp của câu (3). Tỉnh lược thành phần nào trong cấu trúc, tỉnh lược thế nào để yếu tố zero quy được về tiền văn là việc cần cân nhắc. Một khi có sự nhầm lẫn rằng cứ ngữ đoạn hoặc tiểu cú đứng liền trước là tiền văn, chỗ khuyết ở phần Đề nhỏ trong tiểu cú không nên được mặc định là đồng sở chỉ với đơn vị đứng trước. Trường hợp câu đang khảo sát, sẽ không hề có liên kết hồi quy nào giữa yếu tố zero với tiểu cú đang đảm nhận vai Đề (*em nghĩ*). Lý do là ở chỗ, phần Đề này được dùng nhằm truyền tải nội dung tình thái về cảm nhận chủ quan của người nói/người viết về sự tình. Và ngay cả khi sự tình đó chỉ liên quan đến người nói thì không có lý do gì để có thể tỉnh lược Đề trong tiểu cấu trúc Đề - Thuyết (đang đóng vai Thuyết). Được dùng nhằm mục đích biểu đạt sự tình về khả năng của người nói, nhưng tiểu cấu trúc này lại trở nên mất mạch lạc với phần Đề đứng trước do khuyết đi tiêu điểm xác định hành thể (*Ø có thể làm mọi việc*). Như trên đã phân tích, chỉ có Đề mới có quyền chi phối hay lược bỏ đồng sở chỉ. Với cấu trúc gồm hai tầng bậc Đề - Thuyết trở lên, minh định đâu là tiền văn của yếu tố bị cho là Đề ẩn, một lần nữa cũng là việc người học tiếng Việt cần lưu ý. Để chữa lỗi, ở vị trí của chỗ khuyết sẽ cần đến sự hiện diện hiển ngôn của đại từ hồi chỉ (*em*) hoặc đại từ phản chỉ (*minh*), chẳng hạn.

Liên quan đến phần vừa phân tích, câu minh họa thêm dưới đây (câu 9) lại là một sai sót dạng khác. Cũng việc lấp thêm một ngữ đoạn có chứa yếu tố tình thái biểu thị cảm nghĩ hay niềm tin của chính người nói (như *theo em* chẳng hạn) vào vị trí đằng trước mệnh đề, nhưng sự liền mạch giữa Đề và Thuyết bị đứt đoạn không phải là do không thể tìm ra tiền văn cho yếu tố zero. Mâu thuẫn giữa sự biểu đạt mang hàm ý giảm nhẹ với một đẳng liên quan đến sự khẳng định chủ quan của người nói, tất sẽ dẫn đến việc không thể tìm đâu ra sự tương hợp giữa phần Đề với nội dung dự kiến được truyền đạt trong câu.

(9) *Theo em, em thuộc lòng rất giỏi.*

Trong câu trên, mâu thuẫn xảy ra giữa một đẳng là thang độ niềm tin vào giá trị chân lý của điều sắp nêu ra được có ý giảm nhẹ (*theo em*), trong khi đằng khác lại là đánh giá chủ quan mang tính khẳng định năng lực của chính người nêu nhận định (*em thuộc lòng rất giỏi*). Trên bình diện dụng pháp, tiếng Việt có những ngữ đoạn tạm gọi là Đề dẫn được dùng để mở những câu mang nội dung đánh giá sự tình theo cảm nghĩ, ý kiến riêng của

người nói. Do cho rằng đó chỉ là ý kiến chủ quan, không hẳn là sự khẳng định ở thang độ cao nhất vào niềm tin ở điều được nêu, những cách nói mang ý nghĩa tình thái khiêm tốn, hạn chế bớt giá trị chân lý của sự tình như *theo tôi, theo thiên ý của tôi, tôi cho là...* được vận dụng để mở đầu câu. Cũng thực hiện chức năng mở ra khung tình thái thiên về hướng thu hẹp bớt niềm tin chắc chắn vào tính xác thực của sự tình, nhưng phần Đề mang ý nghĩa tình thái như vậy không có cơ sở để kết nối được với nội dung của phần Thuyết mang ý khẳng định chắc chắn. Như vậy, việc lặp lại cảm nhận của chính người nêu ra chủ đề cho dù có đặt trên những thang độ niềm tin cao - thấp, hoặc tương đối hoặc giảm nhẹ hoặc đẩy đến mức cao nhất đều là những thao tác không cần thiết, thậm chí gây ra nét thừa, làm rối cấu trúc cú pháp. Những câu kiểu *Theo em, em đồng ý với câu “Hãy bảo vệ môi trường ngay từ trong nhà của mình”* cũng như câu (9) bên trên, nguyên nhân gây lỗi cũng đến từ sự bất tương xứng về mặt nội dung nghĩa tình thái giữa phần Đề và phần Thuyết.

Qua những phân tích về lỗi trong phần Đề của câu, có thể nói rằng nguyên nhân gây lỗi liên quan đến việc xác định đâu là “tiêu điểm xác định” của câu, đâu là chức năng cú pháp của thành phần được gọi là Đề. Minh định được phần mở lối vào sự tình là một việc, khẳng định quyền kiểm định đồng sở chỉ của thành phần này cũng là một việc nên làm. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là cứ ngữ đoạn hoặc cấu trúc Đề-Thuyết đóng vai Đề đều là tiền văn của yếu tố zero nào đó trong phần Thuyết. Liên kết hồi quy chỉ có thể thực hiện khi phần bị tỉnh lược có khả năng quy về đúng tiền văn. Tỉnh lược ngữ đoạn đồng sở chỉ không chỉ với mục đích tiết kiệm, theo Cao Xuân Hạo (1999), biện pháp này là nhằm liên kết các thành phần câu, tạo được “mạch lạc” và “tính nhất thể” của câu. Một khi cấu trúc trở nên lỏng lẻo do sự hiện diện của chỗ khuyết trong câu, tỉnh lược không được xem là biện pháp liên kết hữu hiệu.

3. Vấn đề trong phạm vi phần Thuyết

Không dừng lại ở việc làm ẩn đi thành tố chính của tiểu cú, của ngữ đoạn danh từ hay gây ra sự bất tương hợp giữa phần Đề với phần Thuyết, việc đặt nhầm Đề ngữ vào vị trí của bổ ngữ trong phần Thuyết cũng là vấn đề cần xem xét. Câu (4) là một ví dụ: *Phần lớn đàn ông ở Hàn Quốc không có đủ tài sản để trước 30 tuổi*. Về trật tự của các phạm trù cú pháp, một giới ngữ có thể được sắp xếp vào vị trí phụ ngữ cho vị từ hoặc ngữ vị từ đứng trước. Chẳng hạn với ngữ đoạn vị từ *đọc sách*, để mô tả địa điểm diễn ra sự tình, hoàn toàn có khả năng ghép thêm những giới ngữ như *ở thư viện, trong phòng*, hoặc *ở tiệm cà phê gần nhà* vào vị trí liền sau vị ngữ. Nhưng trong câu đang bàn, nhằm lẫn xảy ra ở chỗ, giới ngữ đứng ở cuối câu (*để trước 30 tuổi*) không thể được ấn định vào vị trí làm phụ ngữ cho ngữ đoạn đứng trước (*không có đủ tài sản*). Bàn về việc chuyển vị (movement) thành tố trong câu lỗi để tạo nên một/những câu phái sinh khác, Chomsky (1993) có nhắc đến nguyên tắc Tối thiểu hóa (minimalist). Nguyên tắc này được Zwart (1994) khái quát hóa như sau: Không nên chuyển α vượt qua điểm đến của nó. Điều này được hiểu là, có những quy tắc cụ thể khi thực hiện việc chuyển vị thành tố nào đó trong cấu trúc. Mỗi một vị trí trong câu đều là những ấn định cho từng thành tố, và đi kèm theo đó là những điểm đến

cũng được định sẵn cho từng trường hợp chuyển vị. Trong số đó, Đề hóa cũng được xem là quan yếu. Về nội dung đang bàn, câu (4) chưa thỏa tiêu chí của một câu đúng do quan hệ cú pháp giữa phần đang xét với ngữ đoạn đứng trước không phải là quan hệ giữa trung tâm với phụ ngữ như kiểu ngữ vị từ *đọc sách ở thư viện*. Giới ngữ trong câu (4) bị xem là có vấn đề là vì nó đã bị đẩy đi quá xa vị trí Đề ngữ thực sự của mình. Để chữa lỗi, Khung đề hóa cũng là một cách. Các bước tiến hành lần lượt sẽ là: chuyển vị ngữ đoạn đang có vấn đề ở phần Thuyết (*đến trước 30 tuổi*) lên đầu câu, trao cho nó cương vị của Khung đề; đẩy ngữ đoạn đang tạm thời làm Đề (*phần lớn đàn ông Hàn Quốc*) cùng với phần Thuyết của nó (*không có đủ tài sản*) lùi về sau ngữ đoạn đã Khung đề hóa. Khi đó tạo nên một diện mạo mới cho câu đúng không thành vấn đề. Ngoài cách vừa nêu, vẫn còn có một cách chữa lỗi khác nếu như muốn giữ lại cương vị cho ngữ đoạn đã đóng vai Đề (*phần lớn đàn ông Hàn Quốc*). Lúc này thành phần cần chuyển vị cũng phải được tách ra khỏi vị trí cuối phần Thuyết. Tuy nhiên điểm đến của thành phần này không phải là vị trí của Đề, thay vào đó, nó sẽ đảm nhiệm vai thành tố phụ cho Đề. Với vị trí liền sau trung tâm, nó hoàn toàn có thể được ngăn cách với cấu trúc Đề-Thuyết có sẵn bằng hai dấu phẩy. Sự có mặt của thành phần này là nhằm thực hiện chức năng hạn định phạm vi tuổi tác của nhóm nhân vật được nêu ra làm chủ đề. Như vậy khi chuyển ra khỏi vị trí đã bị đặt nhầm, ngữ đoạn đang xét được trao cho cương vị cú pháp mới (hoặc Khung đề hoặc phụ ngữ của Đề) với vị trí đích thực như trong câu (10) bên dưới:

- (10) a. *Đến trước 30 tuổi, phần lớn đàn ông Hàn Quốc không có đủ tài sản.*
 b. *Phần lớn đàn ông Hàn Quốc, đến trước 30 tuổi, không có đủ tài sản.*

Tương tự như câu vừa khảo sát, trường hợp sắp xếp nhầm Khung đề vào vị trí của trạng ngữ không phải là hiếm gặp, đặc biệt khi trạng ngữ được gán cho chức năng làm phụ ngữ của ngữ đoạn đứng liền trước. Câu (11a) dưới đây là một ví dụ minh họa. Trả lại tính đúng ngữ pháp cho câu này cũng có hai hướng chuyển vị. Một là, Đề hóa ngữ đoạn chỉ thời gian (11b). Hai là, cũng chuyển lên phía trước nhưng vị trí của ngữ đoạn bị nhầm chỗ nên được xếp sau Khung đề mang nội dung tình thái về mong muốn của người nói/người viết (11c).

- (11) a. **Em muốn gia đình em ăn một bữa ăn với nhau trong một tuần.*
 b. *Trong một tuần, em muốn gia đình em ăn một bữa ăn với nhau.*
 c. *Em muốn trong một tuần gia đình em ăn một bữa ăn với nhau.*

Qua những phân tích bên trên, xác định quan hệ cú pháp giữa những thành tố trong cấu trúc được xem là biện pháp đặc dụng nhằm tránh làm rối liên kết giữa những ngữ đoạn với nhau. Ngoài ra, điều này vẫn trở nên hữu hiệu khi xem xét nội bộ một ngữ đoạn. Tính liền kề được hiểu là trật tự trước-sau giữa trung tâm và phụ ngữ. Thành tố đứng liền sau có chức trách bổ sung thêm ý nghĩa nào đó cho trung tâm. Và quan hệ cú pháp giữa hai thành tố chính - phụ chỉ có giá trị trong phạm vi ngữ đoạn. Một khi ngữ đoạn được mở rộng về phía bên phải, nghĩa là thành tố trung tâm chấp nhận thêm một thành viên mới, đôi khi điều đó lại làm cho cấu trúc trở nên khập khiễng. Quan sát câu (5) bên trên để hiểu rõ hơn về điều vừa nêu.

Với câu (5) sẽ không có vấn đề xảy ra nếu như câu này được kết thúc bằng giới ngữ (*ở Hàn Quốc*), đảm nhiệm vai phụ ngữ cho danh ngữ trung tâm (*thời tiết*). Tuy nhiên sự xuất hiện tiếp theo của tổ hợp bao gồm một kết tổ cùng một danh từ (*và sinh hoạt*) đã khiến cho việc sắp xếp lại trật tự trong danh ngữ đứng trước cần được đặt ra. Như đã biết, kết tổ *và* được dùng với chức năng liên kết hai thành phần cùng loại, cùng phạm trù, chẳng hạn *buổi sáng và buổi chiều, làm việc và nghỉ ngơi hợp lý*. Cái sai của trường hợp đang xét không hẳn là do sự hiện diện của kết tổ. Lược bỏ kết tổ, ngăn cách hai thành phần bằng dấu phẩy chẳng hạn, cấu trúc câu vẫn không thể thay đổi được hiện trạng. Điều đáng nói ở đây là, không có lý do gì để một danh từ trung tâm (*thời tiết*) có thành phần phụ là một giới ngữ (*ở Hàn Quốc*) có thể mở rộng phạm vi bằng việc ghép thêm một ngữ đoạn khác, cùng bậc với trung tâm. Việc gán ghép này đã gây ảnh hưởng đến quan hệ cú pháp trong nội bộ của danh ngữ liên quan. Để giải quyết, giới ngữ đang hành chức với vai trò phụ ngữ cho danh ngữ đứng trước sẽ phải thoát ra khỏi vị trí hiện có. Nói cách khác, phụ ngữ này sẽ nhường chỗ cho danh từ có quan hệ đồng cấp với thành tố đang là trung tâm. Lùi đến vị trí cuối phần Thuyết, giới ngữ tuy bị gián đoạn với danh từ trung tâm ban đầu nhưng cương vị của nó không bị ảnh hưởng. Đến lúc này đây, nó vẫn đóng vai phụ ngữ nhưng trung tâm của thành phần này lại ở một bậc cao hơn, là ngữ đoạn danh từ. Câu (5) có thể được viết lại như sau:

(12) *Trong một tuần em đã thích ứng trở lại với thời tiết và sinh hoạt ở Hàn Quốc.*

Trong phần vừa khảo sát, chúng ta đã nói qua vai trò của kết tổ *và*. Vai liên kết của yếu tố này có được thực hiện trọn vẹn hay không còn tùy thuộc vào hai từ/ ngữ đoạn mà nó kết nối. Vấn đề cùng từ loại được xem là yêu cầu quan yếu đối với hai đơn vị cần được gắn kết. Trên bình diện cú pháp, sự gắn kết như vậy là tạm ổn. Tuy vậy, như ở phần Đặt vấn đề đã nêu, khảo sát từng đơn vị câu cụ thể không chỉ căn cứ vào cấu trúc cú pháp, mà còn phải tính đến cấu trúc nghĩa và cấu trúc dụng học của câu hoặc mệnh đề để xác định tính đúng/sai của đơn vị. Ba yếu tố này có mối tương quan chặt chẽ với nhau. Có thể trong trường hợp khảo sát này yếu tố cú pháp được đặt lên hàng đầu nhưng vẫn không tách rời khỏi yếu tố nghĩa. Còn trong trường hợp khác, cấu trúc cú pháp hoàn toàn không có gì để phân bác, nhưng cấu trúc nghĩa và cấu trúc dụng học lại có chỗ trắc, chưa thể gọi là có sự liên lạc. Câu (6) là một ví dụ.

/Câu 6 viết lại/

Em cảm thấy rất vui và tốt vì phim này rất hay.

Thoạt nhìn, có vẻ như cấu trúc cú pháp của câu (6) không có gì trục trặc. Vẫn có phần Đề, vẫn có sự tình được diễn giải trong phần Thuyết, vẫn có kết tổ làm cầu nối cho hai tính từ, vẫn quan hệ cú pháp giữa hai thành tố chính-phụ với vị trí trước-sau được phân biệt rõ. Tuy vậy tính ngữ đứng làm phụ ngữ cho động từ trung tâm vẫn có gì đó không ổn. Câu hỏi đặt ra không tập trung vào sự có mặt của kết tổ (*và*) mà lại hướng vào tính từ (*tốt*) đứng sau kết tổ. Khi thông điệp được đưa ra dưới dạng văn bản, nhưng người tiếp nhận cảm thấy vướng mắc khi đọc thông điệp. Cho dù đó là do việc dùng từ không tương hợp với những từ ngữ khác trong ngữ đoạn nào đó trong câu, sự liên mạch giữa những thành tố trong cấu trúc

ngữ nghĩa-ngữ dụng sẽ bị chững lại trong quá trình giải mã thông điệp. Về điều này, Lambrecht viết “Trong việc thực hiện nhận định mang tính dụng học, người nói nhằm diễn đạt một mệnh đề cấu trúc dụng học (pragmatically structured proposition), nghĩa là một mệnh đề phản ánh không chỉ sự tình mà còn là tình trạng tinh thần của người đối thoại đối với sự tình tại thời điểm phát ngôn được đưa ra” (Lambrecht, 1996, tr.148). Từ thực trạng của câu (6), về phía người nói/người viết, hành động nhận định được thực hiện là nhằm đến việc diễn đạt tâm trạng vui vẻ của chính người ấy sau khi được xem một bộ phim hay. Nhưng tại thời điểm giải mã thông điệp, tình trạng tinh thần của người tiếp nhận khó có thể thoải mái trước việc tính từ (*tốt*) được dùng làm yếu tố bổ nghĩa cho động từ (*cảm thấy*). Về mặt dụng học, có thể truyền tải đến người nghe/người đọc những cung bậc cảm xúc khác nhau của chính người nói thông qua những ngữ đoạn kiểu: *cảm thấy vui vẻ, cảm thấy thú vị, cảm thấy tiếc nuối, cảm thấy hào hứng, cảm thấy chán nản*, v.v. Nhưng viện đến ngữ đoạn *cảm thấy rất vui và tốt* để diễn đạt trạng thái tinh thần của nghiệm thể (*em*) không những gây ảnh hưởng đến cấu trúc dụng học của mệnh đề mà còn gây trúc trắc cho cấu trúc nghĩa của câu. Để chữa lỗi, chỗ sai do việc dùng chưa chính xác tính từ nên thay bằng một tính từ khác như *thú vị* chẳng hạn. Với thao tác như vậy, vai liên kết của *và* được trả lại một cách chính xác, hai yếu tố mà nó kết nối được khẳng định là cùng loại do cùng một trường nghĩa, mối liên kết giữa ba loại cấu trúc: cú pháp, nghĩa, dụng học trở nên chặt chẽ và phát huy được chức năng của từng đơn vị.

Cũng liên quan đến kết tố *và* nhưng lỗi trong cấu trúc Đề-Thuyết cũng không phải ở kết tố, nó thuộc về trật tự sắp xếp những thành tố trong từng bậc tiểu Đề-Thuyết. Xét tiếp câu (7) để tìm ra vấn đề. Trong câu, phần Đề là một tiểu cú, gồm một Đề và một Thuyết nhỏ. Giữa Đề và Thuyết của cả câu có điểm chung là sự hiện diện của kết tố *và* ở cả hai thành phần. Nếu như trong tiểu cú làm Đề, việc vận dụng kết tố *và* không có gì phải bàn, thì trong phần Thuyết, một trong hai ngữ đoạn được kết nối bằng kết tố lại gây thắc mắc nơi người tiếp nhận thông điệp. Cũng hai động ngữ có được mối liên kết thông qua kết tố (*giúp cho đất nước phát triển và tránh được sự lạc hậu, tạo ra nhiều chỗ làm việc và thoát được thất nghiệp*). Nhưng hai động ngữ ở vế sau không thể được xem là có cùng một Đề ngữ. Cố gắng xác định ngữ đoạn làm Đề đã vắng bóng khỏi vị trí sau kết tố *nên*, chỉ có thể nói rằng nó đã bị đẩy nhầm ra phía sau phần Thuyết của chính nó (*nên tạo ra nhiều chỗ làm việc*).

Ở một khía cạnh khác, nếu xem xét vấn đề trên bình diện nghĩa/ nội dung biểu hiện có thể thấy những liên quan. Trong trường hợp vị ngữ có hơn một tham tố, việc làm cho có thể có sự tương hợp giữa vai nghĩa và vị trí cú pháp ít nhiều cũng bị chi phối bởi quy tắc chung được Fillmore (1968) gọi là Thứ tự tầng bậc các vai nghĩa (Semantic role hierarchies). Những thứ tự tầng bậc này quy định hai hoặc hơn hai vai nghĩa được liên kết với vị ngữ sẽ xuất hiện ở vị trí cú pháp nào. Qua đó mối quan hệ giữa vị ngữ với các tham tố tất sẽ được xác định rõ ràng. Để làm rõ điều vừa nêu, có thể xem qua ví dụ mà Lambrecht dẫn theo Fillmore. Ví dụ này nêu ra một khung cảnh hướng cho sẵn (given scene), trong đó vị từ *hurt* cùng xuất hiện với hai tham tố là *this shoe* và *my foot*, thứ tự tầng bậc của từng vai tham tố sẽ được sắp xếp như sau:

(13) *This shoe hurts my foot* < STI – LOC >, < *LOC – STI >

Trong đó *this shoe* (chiếc giày này) đóng vai vật kích thích (STI) được xếp vào vị trí của tác thể, đứng liền trước vị từ *hurts* (làm đau); đứng ở vị trí liền sau là đối thể *my foot* (chân tôi), đồng thời cũng đảm nhiệm vai chỉ ra vị trí (LOC) bị đau. Trật tự đảo ngược giữa vị trí và “kích thích tố” sẽ không được chấp nhận (Lambrecht, 1996, tr.155). Trở lại với câu đang xét (câu 7), vấn đề cũng có điểm tương tự như ví dụ của Fillmore. Với trật tự bị đảo ngược (*tạo ra nhiều chỗ làm việc*), vô hình trung người viết đã tạo ra một lỗ hổng về tính liên lạc giữa các tiêu Đề - Thuyết. Phần Đề của cả cấu trúc đã không có vấn đề (*Công nghiệp hóa giúp cho đất nước phát triển và tránh được sự lạc hậu*) cho đến khi có sự hiện diện của phần Thuyết được đánh dấu bằng kết tố *nên* (*nên tạo ra nhiều chỗ làm việc và thoát được thất nghiệp*). Để cấu trúc gồm nhiều tầng bậc Đề - Thuyết này được chấp nhận, có thể có hai cách chữa lỗi. Thứ nhất, đảo lại trật tự đã bị nhầm giữa tiêu Đề và tiêu Thuyết trong tiêu cú đặt trước liền từ *và* (*nhiều chỗ làm được tạo ra*), tìm một ngữ đoạn đảm nhiệm được vai Đề cho phần Thuyết nhỏ ở cuối cấu trúc nhiều tầng bậc. Tuy nhiên nếu cho rằng tiền văn của tiêu Đề cần tìm chính là ngữ đoạn mới được trả lại vai Đề đích thực (*nhiều chỗ làm*), thì đây lại là một nhầm lẫn tương tự như lỗi trong câu đang xét. Sự phù ứng về mặt logic giữa Đề và Thuyết trong cấu trúc chỉ cho phép chúng ta nghĩ đến nghiệm thể của sự tình (*thoát được nạn thất nghiệp*) là người/nhóm người cụ thể nào đó, chứ không phải là hành thể hay đối thể nào khác. Riêng về cách chữa lỗi thứ hai, nếu cho rằng đây là một tiêu cấu trúc Đề - Thuyết khuyết Đề, việc tìm ra Đề phù hợp cũng là một biện pháp. Chỗ khuyết không đáng có sau kết tố *nên* được lấp bằng ngữ đoạn đóng vai hành thể (*chúng ta*). Ngữ này đồng thời cũng trở thành tiền văn cho yếu tố hỏi chỉ zero đứng sau kết tố *và*, với điều kiện cho thêm một vị từ đứng trước kết tố (như vị từ *giúp* chẳng hạn). Ngoài những thao tác chữa lỗi vừa nêu, người mắc lỗi cũng nên lưu ý thứ tự tầng bậc của từng vai tham tố như sau: ở vị trí đầu cấu trúc thường tìm thấy những diễn tố hoặc chủ tố phụ trách các vai của hành thể, tác thể, động thể, nghiệm thể hay nguồn, v.v., tiếp đến là vị trí của hành động, quá trình, trạng thái; việc đảo ngược thứ bậc của những vai nghĩa cũng được xem là đồng nghĩa với việc gây xáo trộn vị trí cú pháp của những thành tố liên quan. Theo đó, câu (7) có thể được viết lại như câu (14) dưới đây:

- (14) a. *Công nghiệp hóa giúp cho đất nước phát triển và tránh được sự lạc hậu nên nhiều chỗ làm được tạo ra và nhiều người thoát được nạn thất nghiệp.*
 b. *Công nghiệp hóa giúp cho đất nước phát triển và tránh được sự lạc hậu nên chúng ta đã được tạo ra nhiều chỗ làm và Ø giúp nhiều người thoát được nạn thất nghiệp.*

Một lần nữa, những phân tích vừa rồi cho thấy cấu trúc câu bị gây lỗi không phải là do sự hiện diện của kết tố *và* trong phần Thuyết. Kết tố đã ở đúng vị trí được ấn định, đã trở thành cầu nối cho hai yếu tố cùng từ loại, nhưng trong trường hợp này (câu 6), vai liên kết của nó chưa thể làm tròn do sự thiếu kết nối về ngữ nghĩa, ngữ dụng giữa hai từ/ngữ đoạn liên quan. Còn ở trường hợp khác (câu 7), vấn đề lại là trật tự bị đảo ngược giữa tiêu Đề và

tiểu Thuyết trong một bộ phận của phần Thuyết hoặc sự nhầm tưởng ngữ đoạn/tiểu cú đứng trước là tiền văn của tiểu Đề, dẫn đến việc tạo ra chỗ khuyết. Những thiếu sót như vậy đã gây hệ lụy cho những ngữ đoạn ở bên phải và bên trái của kết tố, chúng không có khả năng làm nên sự liên lạc với nhau để mang đến “tính nhất thể” cho cấu trúc.

4. Kết luận

Từ bài viết của một số sinh viên Hàn Quốc có thể thấy vấn đề với cấu trúc cú pháp câu tiếng Việt tập trung ở những ngữ đoạn, những cấu trúc Đề-Thuyết khuyết Đề hoặc do sự nhầm lẫn vị trí giữa Khung đề và trạng ngữ, do thiếu minh định quan hệ cú pháp trong nội bộ một ngữ đoạn hoặc giữa những ngữ đoạn liền kề. Ngoài ra cũng phải kể đến việc tính lược thiếu chính xác ngữ đoạn đóng vai Đề, sự bất đối xứng giữa nội dung tình thái được biểu đạt trong phần Đề và phần Thuyết. Điều này cho thấy một khi thiếu sự tương hợp giữa ba yếu tố ngữ nghĩa - ngữ dụng - ngữ pháp, chưa làm rõ quan hệ tuyến tính, chưa thấy được sự tương thích giữa thứ tự tầng bậc dụng học, tầng bậc các vai nghĩa, việc xáo trộn vị trí cú pháp, mất sự liên lạc giữa các thành phần câu tất sẽ diễn ra. Với cấu trúc gồm hai tầng bậc Đề - Thuyết trở lên, xác định đâu là tiền văn của yếu tố bị cho là Đề ẩn, một lần nữa cũng là việc người học tiếng Việt cần lưu ý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (1999). *Tiếng Việt – Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. NXB Giáo Dục.
2. Cao Xuân Hạo (2007). *Tiếng Việt – Sơ thảo ngữ pháp chức năng (tái bản lần 1)*. NXB KHXH.
3. Edith Moravcsik (2006). *An Introduction to Syntactic Theory*. London: Continuum.
4. Halliday M.A.K. (1985). *An Introduction to Functional Grammar*. Edward Arnold publisher.
5. Lambrecht Knud (1996). The pragmatic of case: On the relationship between semantic, grammatical, and pragmatic roles in English and French. In Masayoshi Shibatani & Sandra Thompson (eds), *Essays in Semantics and Pragmatics: in Honor of Charles J. Fillmore*. Amsterdam and Philadelphia: John Benjamins, pp.144-190.
6. Zwart C. Jan-Wouter (1996). “Shortest move” versus “Fewest steps”. In Werner Abraham, Samuel David Epstein, Hoskuldur Thrainsson and C. Jan-Wouter Zward *Minimal Ideas: Syntactic studies in the minimalist framework*. John Benjamin, pp 305-327